

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI DƯƠNG  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGỌC SƠN



# CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024

NĂM HỌC 2024-2025

Số: ~~11~~ A/BC-THCSNS

Ngọc Sơn, ngày 10 tháng 9 năm 2024

## CÔNG KHAI

### THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03/6/2024 CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Công văn 1563/SGDĐT-QLCLGD ngày 29/7/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục.

Trường THCS Ngọc Sơn Thực hiện báo cáo thường niên công tác công khai như sau:

#### I. THÔNG TIN CHUNG

##### I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên trường: Trường THCS Ngọc Sơn

2. Địa chỉ: Xã Ngọc Sơn, TP Hải Dương

Số điện thoại: 02203864094

Website: tk-thcsngocson.haiduong.edu.vn

Email: hd-thcsngocson@haiduong.edu.vn

##### 3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND Thành phố Hải Dương

Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở và thực hiện công tác phổ cập bậc Trung học cơ sở tại đơn vị Xã Ngọc Sơn.

##### 4. Mục tiêu giáo dục:

Xây dựng và duy trì trường THCS Ngọc Sơn trở thành đơn vị tiên tiến xuất sắc, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng học sinh giỏi và tỷ lệ trúng tuyển vào lớp 10 THPT; coi trọng giáo dục truyền thống, nhân cách và kỹ năng sống, tăng cường nề nếp, kỷ cương, ý thức trách nhiệm của công dân với xã hội, cộng đồng học sinh. Nâng cao lý tưởng, tinh thần trách nhiệm và năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp; “Đẩy mạnh phong trào thi đua” Dạy tốt, học tốt”

Nơi các em được phát triển đúng đắn và bền vững về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng sống cơ bản; có học vấn phổ thông có trình độ cơ sở và kỹ năng hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học THPT hoặc học nghề.

**\* Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh**

- Kết quả rèn luyện: Tốt, Khá: 72% trở lên
- Kết quả học tập: Tốt, Khá: 50,3% trở lên;  
Đạt: Dưới 28%;  
Không đạt: dưới 5%

**+ Kết quả tham gia các cuộc thi cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia**

- Thi điền kinh: 03 hs đạt cấp huyện.
- Tham gia thi trên Internet: Tiếng anh IOE trong đó 02 em đạt giải Tỉnh
- Học sinh tốt nghiệp THCS: Tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 100%
- Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt 97% trở lên
- Kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT: Xếp thứ 16 trong Thành phố, xếp trong toàn Tỉnh.

**5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục**

Trường THCS Ngọc Sơn được thành lập tháng 8/1967. Lúc đầu trường mang trường phổ thông cấp II Ngọc Sơn. Từ năm thành lập đến nay nhà trường có nhiều sự đổi:

Năm học 1975 - 1976 sáp nhập trường phổ thông cấp I, phổ thông cấp II thành trường Phổ thông cấp I - II Ngọc Sơn.

Năm học 1989 - 1990 trường Phổ thông cấp I - II Ngọc Sơn tách thành 2 trường trường THCS Ngọc Sơn và trường TH Ngọc Sơn.

Năm 2019 trường được sát nhập về thành phố Hải Dương từ đó đến nay nhà trường đã từng bước khẳng định được vị thế của mình. Được sự quan tâm chỉ đạo tích cực của Ủy ban – UBND xã Ngọc Sơn, Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND Thành phố Hải Dương ủng hộ nhiệt tình của các thế hệ phụ huynh học sinh và các tổ chức xã hội, đặc biệt sự nỗ lực cố gắng của các thế hệ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, nhà trường đã có những đóng góp vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Thành phố Hải Dương Trường THCS Ngọc Sơn được đánh giá là một ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt, là địa chỉ tin cậy của phụ huynh học sinh, học sinh xã Ngọc Sơn.

**6. Thông tin người đại diện**

- Họ tên: Nguyễn Thị Lựu – Hiệu trưởng
- Địa chỉ: Phường Hải Tân- TP Hải Dương- Tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 0988642832
- Địa chỉ thư điện tử: [nguyenthiluuks@gmail.com](mailto:nguyenthiluuks@gmail.com)

**7. Tổ chức bộ máy**

### 7.1. Quyết định thành lập trường

Trường THCS Ngọc Sơn được thành lập năm 1967. Khuôn viên của nhà trường hiện tại là 3.469,52m<sup>2</sup>. Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ Trường Trung học.

### 7.2. Quyết định công nhận Hội đồng trường

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 409/QĐ-PGDĐT ngày 28/9/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hải Dương về việc công nhận Hội đồng trường và đầu năm học 2024-2025 Hội đồng trường được kiện toàn theo Quyết định số 446/QĐ-PGDĐT của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hải Dương THCS Ngọc Sơn nhiệm kì 2021-2026 gồm có 09 thành viên.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Bà Nguyễn Thị Lựu	- Hiệu trưởng	
2.	Bà Nguyễn Thị Mẫn	- Chủ tịch CĐ	
3.	Bà Trịnh Thị Kim Diệp	- Tổ trưởng tổ KHXX	
4.	Ông Bùi Đức Viên	- Tổ trưởng tổ KHTN	
5.	Bà Bùi Thị Sen	- Bí thư ĐTN	
6.	Bà Phạm Thị Thủy	- Kế toán	
7.	Ông Đoàn Văn Hòa	- Phó CT UBND xã	
8.	Ông Nguyễn Xuân Tới	- Đại diện CMHS	
9.	Em Đặng Thùy Dung	- Đại diện HS	

### 7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường

- Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường theo thực hiện theo quy chế của trường THCS Ngọc Sơn năm học 2024-2025.

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường, xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, báo cáo và đánh giá kết quả thực hiện.

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường, bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó.

- Quản lý giáo viên, nhân viên, quản lý chuyên môn, phân công công tác, kiểm tra đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên.

- Thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên.

- Kí hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên khi có phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

- Đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức, xét và kết quả đánh giá xếp loại học sinh, kí nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỉ luật học sinh.

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường, thực hiện các chế độ chính sách của nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh, tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong nội bộ của nhà trường.

- Thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường.

- Chỉ đạo các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành.

- Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính.

- Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

\* Chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của nhà trường.

- Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp THCS và cấp THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, vận động học sinh đến trường, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo qui định của pháp luật.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

- Thực hiện các hoạt động về kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

\* Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỉ luật, Hội đồng tư vấn, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, lớp học.

7.4. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm lãnh đạo.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1.	Nguyễn Thị Lựu	Hiệu trưởng	0988642832	<a href="mailto:nguyenthiluks@gmail.com">nguyenthiluks@gmail.com</a>

2.	Phạm Thị Lý	P.hiệu trưởng	0964977818	<a href="mailto:ngoclytk2004@gmail.com">ngoclytk2004@gmail.com</a>
----	-------------	---------------	------------	--

### 8. Các văn bản khác của nhà trường

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của nhà trường, qui chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường, các nghị quyết của hội đồng trường, qui chế chi tiêu nội bộ.

### II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

+ Cán bộ quản lý: 02

+ Giáo viên: 22 (Biên chế: 22, 0 hợp đồng)

+ Nhân viên: 03

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

#### 1.1. Cán bộ quản lý

TT	Chức vụ	Số lượng		Đang viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				Trên ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1.	Hiệu trưởng	1	0	1	1	0	0	1	0	0
2.	Phó hiệu trưởng	1	0	1	1	0		1	0	0

#### 1.2. Giáo viên

TT	Môn	Giáo viên		Đang viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				Trên ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1.	Toán	4	3	3	4	0	0	4	0	0
2.	Ngữ văn	4	4	3	4	0	0	4	0	0
3.	Tiếng Anh	3	3	3	3	0	0	3	0	0
4.	Vật lí	1	0	0	1	0	0	1	0	0
5.	Hóa học	1	1	1	1	0	0	1	0	0
6.	Sinh học	1	1	0	1	0	0	1	0	0
7.	Lịch sử	1	1	1	1	0	0	1	0	0

8.	Địa lý	1	1	1	1	0	0	1	0
9.	GDCD	1	1	1	1	0	0	1	0
10.	Công nghệ	1	0	1	1	0	0	0	1
11.	Thể dục	1	1	1	1	0	0	1	0
12.	Âm nhạc	1	1	1	1	0	0	1	0
13.	Mỹ thuật	1	1	0	1	0	0	0	1
14.	Tin học	1	1	1	1	0	0	1	0

### 1.3. Nhân viên

TT	Chức vụ	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn		
		Tổng	Nữ				Trên ĐH	ĐH	CĐ
1.	Kế toán	1	1	0	1	0	0	1	0
2.	Văn thư	1	1	1	1	0	0	1	0
3.	Thư viện	1	1	1	1	0	0	0	1

2. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- Cán bộ quản lý: 02 ; Đạt chuẩn 02 - Tỉ lệ 100%

- Giáo viên: 22; Đạt chuẩn 22/22 tỉ lệ 100%;

3. Số lượng, tỉ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng

- Cán bộ quản lý: 02, đạt bồi dưỡng 100%

- Giáo viên: 22, đạt bồi dưỡng 100%

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích đất, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh, so sánh với yêu cầu tối thiểu theo qui định.

- Diện tích: 3.469,52m<sup>2</sup>

- Điểm trường: 01

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 6.75m<sup>2</sup>/ học sinh

2, Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học và khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục sinh hoạt; hạ tầng kĩ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

TT	Nội dung	Số phòng	Ghi chú
1	Phòng học	13	
2	Phòng tin học	1	
3	Kho thiết bị	4	
4	Phòng thư viện	1	
5	Phòng bộ môn Tiếng Anh	1	
6	Phòng bộ môn KHTN 1 (Hóa – Sinh)	1	
7	Phòng bộ môn KHTN 2 (Vật lí)	1	
8	Phòng bộ môn Công nghệ	1	
9	Phòng bộ môn Âm nhạc	1	
10	Phòng bộ môn Tin học	1	
11	Phòng bộ môn Mĩ thuật	0	
12	Phòng Ban giám hiệu	2	
13	Phòng hội đồng	1	
14	Phòng y tế	1	
15	Phòng Đoàn – Đội	1	
16	Phòng bảo vệ	1	
17	Nhà đa năng	0	
18	Sân thể thao	1	
19	Nhà xe học sinh	1	
20	Nhà xe giáo viên	0	
21	Số máy tính	25	
22	Số máy tính dùng cho cán bộ quản lý và nhân viên	5	
23	Số lượng tivi	18	

Một số thiết bị dạy học phục vụ cho công tác giảng dạy còn thiếu hoặc không còn sử dụng được (do lâu ngày không đảm bảo độ chính xác).

### 3. Số thiết bị dạy học hiện có. Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo qui định

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hiện tại nhà trường có 5 máy phục vụ hành chính, 23 máy tính phòng tin học. Hệ thống Internet được kết nối phục vụ cho công tác quản lý và hoạt động giảng dạy, học tập. Nhà trường có các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Mỗi giáo viên có một bộ thiết bị cần thiết trong quá trình giảng dạy, một bộ



sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn giảng dạy và các tài liệu cần thiết khác. Mỗi học sinh nhất một bộ sách giáo khoa, các đồ dùng học tập.

**4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được quan tâm có quyền phê duyệt, danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở lựa chọn, sử dụng theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

TT	Môn	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1.	Toán	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
2.	Ngữ văn	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
3.	Tiếng Anh	Success global	Success global	Success global	Success global
4.	KHTN	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
5.	LS&ĐL	Cánh diều	Cánh diều	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
6.	Công nghệ	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
7.	Tin học	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
8.	GDCD	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
9.	Mỹ thuật-MT	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
10.	Âm nhạc-ÂN	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
11.	HĐTN&HN	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
12.	GDTC	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều

Sách giáo khoa, sách tham khảo đủ phục vụ cho hoạt động dạy và học.

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ GD&ĐT, hàng năm đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá khác phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày đư nâng lên.

##### 1.1. Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Tiếp tục làm công tác tuyên truyền và tăng cường nâng cao nhận thức cho cán giáo viên nhân viên về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công thực hiện biện cải tiến chất lượng giáo dục tổ chức quán triệt và triển khai đầy đủ các văn bản chỉ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục & Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo về công tác kiểm định chất lượng giáo dục tới toàn thể cán bộ giáo viên nhân viên trường.

- Chuẩn bị tốt các điều kiện để tiếp tục tiến hành thực hiện biện pháp cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá ngoài.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát các tổ chuyên môn các đoàn thể cán bộ giáo viên trong việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng đã được xây dựng trong báo đánh giá.

- Làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy chính quyền địa phương để có những giải pháp hiệu quả trong việc chỉ đạo thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng giáo dục.

- Căn cứ các văn bản pháp quy hiện hành các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và tình hình thực tế xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá ngoài đảm bảo yêu cầu khoa học thực tiễn và có tính khả thi cao.

- Rà soát từng tiêu chí về thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng các tiêu chí còn điểm yếu tìm nguyên nhân và các biện pháp chưa thực hiện cải tiến xây dựng kế hoạch để cải tiến trong năm học.

**2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua mốc thời gian kế hoạch và thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm và hàng năm.**

Ngay đầu năm học 2024-2025 nhà trường đang từng bước tiến hành xây dựng trường chuẩn quốc gia mức độ I và phấn đấu là trường chuẩn quốc gia trong năm học 2024-2025.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

### 1. Thông tin về kết quả giáo dục năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo rèn luyện	514	157	122	117	118
1	Tốt	277	78	61	66	72
	(tỷ lệ so với tổng số)	53,9	49,7	50,0	56,4	61,0
2	Khá	209	58	57	49	45
	(tỷ lệ so với tổng số)	40,7	36,9	46,7	41,9	38,1
3	Trung bình	28	21	4	2	1
	(tỷ lệ so với tổng số)	5,4	13,4	3,3	1,7	0,8

4	Đại/ Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học tập</b>	<b>514</b>	<b>157</b>	<b>122</b>	<b>117</b>	
1	Tốt/ Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	70	20	17	14	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	236	70	50	62	
3	Đạt/ Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	195	57	55	38	
4	CD/ Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	37,9	36,3	45,1	32,1	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	13	10			
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>514</b>	<b>157</b>	<b>122</b>	<b>117</b>	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	70	20	17	14	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	236	70	50	62	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	13	10		3	
		2,5	6,4		2,6	

3	Lưu ban	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)						
4	Chuyển trường đến						
	(tỷ lệ so với tổng số)						
	Chuyển trường đi						
	(tỷ lệ so với tổng số)						
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)						
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0				0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0				0	
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
1	Cấp tỉnh				1		1
2	Cấp huyện				3		
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>						
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>						
1	Giỏi	19				19	
	(tỷ lệ so với tổng số)	16,1				16,1	
2	Khá	54				54	
	(tỷ lệ so với tổng số)	45,8				45,8	
3	Trung bình	45				45	
	(tỷ lệ so với tổng số)	38,1				38,1	
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ THPT công lập</b>	<b>46</b>					
	(tỷ lệ so với tổng số)	39,0					
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ THPT ngoài công lập</b>	<b>53</b>					

	(tỷ lệ so với tổng số)	44,9		
IX	Số học sinh nam	241	67	61
	Số học sinh nữ	273	90	61
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	3		2

\* Năm học 2023- 2024 nhà trường không có học sinh ở lại lớp.

- Xét tốt nghiệp: có 118/118 em. Đạt 100%. Trong đó:

+ Loại giỏi: 19 HS

+ Loại khá: 54 HS

+ Loại trung bình: 45 HS

- Học sinh trúng tuyển vào THPT năm học 2023-2024: 46/71 đạt tỉ lệ 64,7%

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chủ trì giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài)

Không thực hiện.

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề điểm báo cáo theo quy định của pháp luật, trong đó cơ cấu các khoản thu - chi như sau:

a. Các khoản thu phân theo

\* Nguồn ngân sách nhà nước cấp năm 2023.

Nội dung	Số tiền	Quyết định giao dự
Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên:	4.127.545.000 đ	QĐ số 6368 ngày 28/12/20
	11.419.000 đ	QĐ số 3476 ngày 20/10/20
	16.002.000 đ	QĐ số 3618 ngày 31/10/20
	36.766.000 đ	QĐ số 3796A ngày 15/11/
	41.367.000 đ	QĐ số 4911 ngày 27/12/20
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên:	180.600.000 đ	QĐ số 6368 ngày 28/12/20
	13.975.000 đ	QĐ số 1348 ngày 08/05/20
	91.217.000 đ	QĐ số 3646 ngày 01/11/20

	8.530.000 đ	QĐ số 3468 ngày 02/11/2024
<b>Cộng nguồn ngân sách nhà nước cấp</b>	<b>4.591.951.000 đ</b>	

- Khoản thu theo quy định

TT	Nguồn quỹ	Mức thu 1HS/tháng	Sĩ số HS	Tổng thu	Công văn hướng dẫn thu
1	Học phí/tháng	85.000đ	514	599.350.000đ	Văn bản số 4077/UBND-VP ngày 07/11/2021
	Trồng xe/tháng	10.000đ		21.150.000đ	Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 27/3/2018
	<b>Cộng nguồn thu theo quy định</b>				

- Thu các khoản thỏa thuận

TT	Nguồn quỹ	Mức thu 1HS/tháng	Sĩ số HS	Tổng thu	Công văn hướng dẫn thu
1	Học thêm	7.000đ/tiết		942.637.500đ	Nghị quyết số: 08 /2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022
2	Lao công	20.000đ		85.600.000đ	Nghị quyết số: 08 /2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022
3	Nước uống/năm học	7.000đ		18.564.000đ	Nghị quyết số: 08 /2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022
	<b>Cộng nguồn thu theo quy định</b>				

**b. Các khoản chi phân theo:**

Chi tiền lương và thu nhập (lương phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên). Chi cơ sở vật chất, sửa chữa bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho các hoạt động giáo dục, đào tạo. Chi hỗ trợ người học, hỗ trợ các hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng, chi khác.

TT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi	Số tiền
1.	Ngân sách cấp năm 2023			

1.1.	Kinh phí thường xuyên			
		Chi lương, các khoản đóng góp theo lương		3.919.422.141đ
		Chi nghiệp vụ chuyên môn		271.481.559đ
		Chi mua sắm, sửa chữa		
		Chi khác		95.306.300đ
1.2.	Kinh phí không thường xuyên			
		Chi thanh toán cá nhân		91.217.000đ
		Chi mua sắm, sửa chữa		88.200.000đ
		Chi khác		22.505.000đ
2.	Học phí năm học 2023-2024			
		Chi lương, các khoản đóng góp theo lương, cải cách tiền lương		
		Chi nghiệp vụ chuyên môn dịch vụ công cộng, sửa chữa nhỏ		109.650.987đ
3.	Học thêm năm học 2023-2024			
		Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		18.852.750đ
		Chi công giáo viên trực tiếp giảng dạy		739.027.800đ
		Chi công tác quản lí		138.567.712đ
		Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất		46.189.238đ
		Chi khác		100.000đ
4.	Nước uống năm học 2023-2024			
		Trả về nhà cung cấp theo hợp đồng kí kết		18.564.000đ
5.	Trông xe năm			

	học 2023-2024		
		Chi trả nhân công trông xe	18.000.000đ
		Chi nộp thuế	2.115.000đ
		Chi khác	1.035.000đ
6.	Lao công năm học 2023-2024	Chi trả tiền lao công	66.500.000đ
		Chi mua đồ dung phục vụ lao công	19.100.000đ

### 3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học.

- Chế độ miễn giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập thực hiện nghị quyết số 81/2021/ND-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập giá dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo năm học 2023-2024:

- Chính sách hỗ trợ đóng học phí: 12.155.000đ
- Chính sách hỗ trợ học phí học tập: 10.350.000đ

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 1. Đảm bảo trường học an toàn trường học.

- Đây là nhiệm vụ trọng tâm quan trọng hàng đầu.
- Tổng phụ trách Đội làm tốt công tác vệ sinh trường học, đảm bảo sạch sẽ thông thoáng lớp học, trường học; thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn nhắc nhở trong các giờ chào cờ đầu tuần; thường xuyên theo dõi mọi hoạt động của học sinh và ngăn ngừa kịp thời khi có biểu hiện mất an toàn.
- Giáo viên chủ nhiệm phân công học sinh thực hiện vệ sinh lớp học hàng ngày đảm bảo sạch sẽ cả buổi, đổ rác đúng nơi quy định; thường xuyên kiểm tra lớp học và xử lý kịp thời khi có biểu hiện mất an toàn. Hướng dẫn học sinh cách thức bảo vệ bản thân và có trách nhiệm bảo vệ người khác.
- Giáo viên bộ môn tuyệt đối không nhờ học sinh đi qua đường lấy bài phô tô (nếu nhờ hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự an toàn của học sinh); quan tâm đến sự an toàn của học sinh và chịu trách nhiệm nếu để xảy ra mất an toàn trong giờ của mình.
- PHT xây dựng kế hoạch lao động, chỉ đạo làm tốt công tác vệ sinh môi trường, thường xuyên kiểm tra an toàn trường học.
- Phụ trách y tế trường học rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, vệ sinh môi trường để báo cáo Hiệu trưởng bổ sung kịp thời. Thường xuyên tuyên truyền phòng chống dịch trong cán bộ giáo viên nhân viên và học sinh, phòng chống tai nạn thương tích trong học sinh.



- Chủ tịch Công đoàn thường xuyên quan tâm đến công tác môi trường, phân công đoàn viên công đoàn vệ sinh văn phòng, khu vệ sinh của giáo viên, thường xuyên kiểm tra đảm bảo an toàn khu hiệu bộ.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác trực lãnh đạo và trực ban của giáo viên. Nếu xảy ra mất an toàn người trực hoàn toàn chịu trách nhiệm.

## **2. Xây dựng kế hoạch giáo dục.**

### **2.1. Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục (phân phối chương trình)**

- Các tổ, nhóm chuyên môn căn cứ kế hoạch thời gian năm học và chương trình từng môn học xây dựng kế hoạch dạy học các môn học để trình Hiệu trưởng phê duyệt triển khai thực hiện.

- Kế hoạch dạy học các môn học đảm bảo thời lượng của các môn học theo quy định.

- Thực hiện theo Chương trình GDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/ BGDDĐT (*Chương trình GDPT 2018*) và Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện theo Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH.

- Xây dựng kế hoạch dạy học cho môn học theo từng khối lớp; đảm bảo đủ tổng tiết của môn/năm học quy định trong chương trình;

- Dạy học STEM: Phó hiệu trưởng cùng hai tổ trưởng chuyên môn phân công tổ chức thực hiện bài học stem, hoạt động trải nghiệm stem.

- Thực hiện kiểm tra định kì bằng hình thức kiểm tra chung đề, chung thời điểm với các khối lớp, thời gian theo hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Dương.

### **2.2. Các phụ lục kế hoạch có liên quan**

- Các kế hoạch khác đưa vào phần phụ lục, đảm bảo tinh gọn, tránh hình thức. Các phụ lục kế hoạch tổ chức các hoạt động cần xác định các thành phần cơ bản như: thời gian thực hiện, nội dung, hình thức tổ chức thực hiện, yêu cầu cần đạt, phân công nhiệm vụ.

### **2.3. Kế hoạch giáo dục của giáo viên**

- Căn cứ Kế hoạch của tổ chuyên môn, giáo viên được phân công dạy học môn học các khối lớp xây dựng Kế hoạch giáo dục trong năm học. Kế hoạch giáo dục bao gồm kế hoạch dạy học (*phân phối chương trình*) và các nhiệm vụ khác được phân công. Chủ động sáng tạo xây dựng kế hoạch phù hợp, đảm bảo các yêu cầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.

### **2.4. Kế hoạch bài dạy (giáo án)**

- Căn cứ Kế hoạch giáo dục của cá nhân để tổ chức dạy học.

- Trong kế hoạch bài dạy thể hiện rõ phát triển phẩm chất năng lực học sinh,

- Kế hoạch bài dạy đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Xác định rõ được mục tiêu bài dạy về kiến thức, năng lực, phẩm chất phù hợp với từng bài;

+ Xác định phương tiện, đồ dùng, thiết bị ... hỗ trợ giảng dạy, giáo viên khai thác triệt để phương tiện, thiết bị dạy học hiện có, đặc biệt việc sử dụng tivi, máy chiếu, bảng tương tác. Ghi sử dụng thiết bị vào sổ đầu bài cụ thể theo đặc trưng bộ môn.

+ Xây dựng tiến trình dạy học phù hợp: Nêu rõ các hoạt động trong bài, xác định mục tiêu, nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức các hoạt động đó. Các hoạt động trong bài cần tổ chức theo hướng các hoạt động học, gồm các hoạt động chủ yếu như: hoạt động khởi động, hoạt động hình thành kiến thức mới, hoạt động luyện tập, hoạt động vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn .... Cần phát huy cao nhất sự chủ động tích cực tham gia của học sinh vào từng hoạt động học, dành nhiều thời gian để học sinh được trao đổi, thảo luận, tự học. Giáo viên nên xác định thời lượng dự kiến cho từng hoạt động để thực hiện trên lớp, hoặc ngoài lớp học.

### **3. Thực hiện chương trình, sử dụng SGK, tổ chức dạy học các môn học và các hoạt động giáo dục**

#### **3.1. Sử dụng SGK**

- Đối với lớp 6: Thực hiện theo Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt danh mục SGK lớp 1, lớp 2, lớp 6 sử dụng trong các cơ sở GDPT tỉnh Hải Dương.

- Đối với lớp 7: Thực hiện theo Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục SGK lớp 3, lớp 7, lớp 10 sử dụng trong các cơ sở GDPT tỉnh Hải Dương.

- Đối với các lớp 8: Thực hiện theo Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa các môn lớp 4, lớp 8, lớp 11 và sách giáo khoa môn Mỹ thuật, Âm nhạc lớp 10 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Hải Dương.

- Đối với lớp 9: Thực hiện theo Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh Hải Dương. Về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9, lớp 12 và sách giáo khoa môn Lịch sử lớp 10 bổ sung sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

#### **3.2. Thực hiện chương trình, nội dung dạy học và giáo dục**

- Thực hiện Chương trình GDPT ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT.

- Hai tổ tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi về tổ chức dạy học theo Chương trình GDPT 2018; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế tại nhà trường.

- Yêu cầu tổ, nhóm chuyên môn tích cực nghiên cứu tài liệu, video tập huấn dạy SGK qua các đợt tập huấn do Sở GD&ĐT phối hợp với các Nhà xuất bản tổ chức; tăng cường sinh hoạt chuyên môn, trao đổi, bàn bạc về dạy học chương trình SGK mới. Các cụm trường xây dựng kế hoạch tổ chức sinh hoạt chuyên môn liên trường cho giáo viên của các trường thuộc cụm chuyên môn.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn giữa các giáo viên có cùng chuyên môn trên phạm vi cụm trường, toàn huyện bằng các hình thức sinh hoạt chuyên môn trực tiếp, trực tuyến; đổi qua công cụ mạng xã hội như Zalo, Facebook ... Tham gia sinh hoạt chuyên môn môn học bằng hình thức trực tuyến do Sở GD&ĐT tổ chức để giúp các giáo viên trao đổi chia sẻ các giải pháp hiệu quả trong dạy học Chương trình SGK mới.

- Lưu ý về việc thực hiện chương trình đối với một số môn học và hoạt động giáo dục như sau:

#### **4.2. Công tác dạy thêm học thêm**

- Dạy thêm, học thêm thực hiện theo Công văn số 1710/SGDDĐT-GDTrH GDĐT số 21/9/2023 của Sở GDĐT Hải Dương.

- Quan điểm: không bắt ép học sinh học thêm.
- GVCN hướng dẫn học sinh đăng kí, lập danh sách đăng kí học thêm của lớp
- Giáo viên bộ môn xây dựng kế hoạch dạy học, duyệt trước khi thực hiện.
- Tăng cường việc rèn chữ và cách trình bày cho học sinh (chỉ bảo cụ thể)
- Cuối buổi học dành 5 đến 10 phút cuối để kiểm tra vở ghi và kết quả học tập. Nếu không đạt yêu cầu cho ở lại rèn luyện thêm từ 5 đến 10 phút.
- Lập danh sách những học sinh không ghi bài hoặc không làm bài tập về HT xử lý
- Với những trường hợp học sinh không đăng kí học thêm thì các giáo viên trực tiếp dạy cần quan tâm nhiều đến ở trên lớp, không được có thái độ thiếu tích cực..

#### **\* Tổ chức khảo sát cấp trường**

- Tổ chức khảo sát 02 lần/ki. Lần một giáo viên dạy ra đề, lần hai ban chuyên môn ra đề. Kết quả lần hai tính điểm thi đưa cho giáo viên dạy.

- PHT tổ chức khảo sát nghiêm túc.
- GVBM chấm chi tiết chính xác, nhận xét chi tiết, trả bài và chữa bài cụ thể cho học sinh, thể hiện rõ trong giáo án. Sau khi làm xong nộp bài về PHT. PHT chỉ đạo cho học sinh chưa đạt yêu cầu làm lại.
- Giáo viên bộ môn khảo sát, chấm, nhận xét, trả bài (cần làm kĩ và chi tiết)
- GVCN lập danh sách theo ba nhóm đối tượng, nhà trường thưởng cho học sinh đứng nhất nhì các nhóm.
- PHT thống kê kết quả và tổ chức nhận xét rút kinh nghiệm trong sinh hoạt chuyên môn.

#### **\* Đánh giá kết quả học tập của học sinh**

- Giáo viên dạy phải có sổ theo dõi đánh giá.

#### **\* Ôn thi vào trung học phổ thông:**

- Nâng cao chất lượng thi vào trung học phổ thông.
- Tinh thần ôn tập dự thi THPT trên 50%,

- GVBM quan tâm đến từng học sinh, nắm bắt sự tiến bộ của từng học sinh, nắm bắt nhược điểm của từng em để tìm cách khắc phục.

- Hoàn thành nội dung ôn tập đến ngày 30/4, sau đó tập trung luyện đề và ôn lại.

- Tổ chức truy bài từ 6h bắt đầu từ đầu tháng năm, HT, PHT và giáo viên dạy theo dõi.

- Tổ chức khảo sát chất lượng mỗi tháng/ 1 lần. PHT tập hợp kết quả từng đợt để nhận xét rút kinh nghiệm sau khảo sát. GVBM thống nhất nội dung ôn tập kiểm tra trong từng giai đoạn cụ thể (giới hạn phạm vi kiến thức để các em ôn tập).

- GVCN hướng dẫn học sinh làm bản theo dõi kết quả từng đợt để các em tự đánh giá rút kinh nghiệm.

- PHT lên kế hoạch kí giáo án trước khi lên lớp.

- Nhà trường tiếp tục thưởng cho môn thi đạt kết quả cao nhất.

**\* Tổ chức các cuộc thi cho học sinh.**

- Thi văn nghệ vào 20/11

- Thi thể dục thể thao vào 22/12.

- Thi chạy tập thể hàng năm.

- Tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp Thành phố, cấp Tỉnh.

- Đăng ký cho học sinh tham gia thi Tiếng Anh IOE, Toán Vioedu.

- Hoạt động ngoại khóa ngày 26/3

Trên đây là báo cáo thường niên công tá công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của trường THCS Ngọc Sơn.

**Nơi nhận:**

- Website nhà trường,

- Lưu: Hồ sơ công khai,

- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Lựu